TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/01/2026
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan và ông Nguyễn Bá Lý.
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Mai Thành Long – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03/10/2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 24/4/1986; CCCD số: 064186003429, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/01/1978; CCCD số: 064078012966, cấp ngày 25/8/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Cùng địa chỉ: Hẻm A L, tổ H P, phường P, tỉnh Gia Lai.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

- Về hôn nhân: Ngày 22/02/2006 chị H với anh B đến với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã bị mất, chị H không có để giao nộp cho Toà án).

Sau kết hôn sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 chị H phát hiện anh B có người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó phát sinh mâu thuẫn gia đình, cả hai không hòa hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến việc cãi vã xảy ra liên tục, qua nhiều lần mâu thuẫn chị H và anh B tuy sống chung một nhà nhưng không quan tâm chăm sóc đến nhau; bản thân chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị H, anh B có hai con chung là cháu Nguyễn Hà Thái B1, sinh ngày 09/6/2006 và cháu Nguyễn Hà Gia H1, sinh ngày 07/12/2009. Theo nguyện vọng của cháu H1 muốn được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn, chị H đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Hà Gia H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Riêng cháu Nguyễn Hà Thái B1 đã thành niên và tự lập chị H không có yêu cầu gì.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng khi giao con chung Nguyễn Hà Gia H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn B, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng *(Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về phiên hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa)* cho anh B theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; anh B đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại khu vực thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa chị H với anh B, chị H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc khi biết được anh B có người phụ nữ khác, nhưng chị không đưa ra chứng cứ cụ thể để Toà án xem xét giải quyết, chị H chỉ nhận thấy sau sự việc nghi ngờ, thì tình cảm giữa chị với anh B không còn yêu thương để chăm sóc lẫn nhau và không có tiếng nói chung, mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên không thể kéo dài, xét đề nghị của chị H được ly hôn với anh B là có căn cứ; về con chung, xét về nguyện vọng của cháu Nguyễn Hà Gia H1 và nguyện vọng của chị H, việc giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là hoàn toàn phù hợp. Riêng cháu Nguyễn Hà Thái B1 đã thành niên chị H không yêu cầu giải quyết; về cấp dưỡng

nuôi con, chị H không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nghĩa vụ chung, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H. Về án phí ly hôn sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn B có địa chỉ thuộc Toà án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai thụ lý giải quyết. Đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn B tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn B.

[2]. Về nội dung: Chị H, anh B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2006 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình cảm, chị H trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh B có quen một người phụ nữ khác (chị H gọi là người thứ 3) nên hôn nhân không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, cả hai sống chung một nhà nhưng không còn quan hệ tình cảm; tuy nhiên chị H không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh anh B có người thứ ba, vì vậy không có căn cứ để xác định hành vi ngoại tình của anh Nguyễn Văn B. Chị H xác định cả hai không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay chị H nhận thấy không còn tình cảm yêu thương anh B, mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến chị H có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn anh B là có căn cứ cần chấp nhận.

[3].Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hà Thái B1, sinh ngày 09/6/2006 và cháu Nguyễn Hà Gia H1, sinh ngày 07/12/2009. Theo nguyện vọng của cháu H1 và nguyện vọng của chị H, việc giao con chung Nguyễn Hà Gia H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định pháp luật. Riêng cháu Nguyễn Hà Thái B1 đã thành niên và tự lập chị H không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng nguyên đơn phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H. Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Hà Gia H1, sinh ngày 07/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002577 ngày 03/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Gia Lai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/01/2026) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- UBND P. Hội Phú, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai; Số 14/2006 ngày 22/02/2006 (nay là UBND phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA